

GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG DÀNH CHO TRẺ EM ĐỘ TUỔI TỪ 12 - 18 Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ GỢI Ý ĐỀ XUẤT Ở VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN THANH*

Tóm tắt: “Kỹ năng sống” là thuật ngữ bắt đầu xuất hiện trong các nhà trường Việt Nam từ những năm 1995 – 1996. Trải qua hơn 20 năm tồn tại và phát triển, hiện nay Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng sống (KNS) tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên. Công văn số 4026/BGDĐT - GDCTHSSV ra ngày 01 tháng 09 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường giáo dục KNS trong trường học đã đặt ra một vấn đề là Việt Nam cần xây dựng và phát triển chương trình giáo dục KNS sao cho phù hợp, đồng bộ để đưa vào thực tiễn. Bài viết này giới thiệu về mục tiêu, nội dung và hình thức đào tạo chương trình giáo dục KNS của một số nước trên thế giới bao gồm cả các nước thuộc châu Á, châu Âu và Mỹ, từ đó đưa lại một số gợi ý để phát triển và hoàn thiện chương trình giáo dục KNS của Việt Nam.

Từ khóa: Kỹ năng; kỹ năng sống; giáo dục kỹ năng sống; học sinh; trẻ em.

Abstract: The concept of “Life skills” has been mentioned in Vietnamese schools since 1995. After 20 years, the Ministry of Education and Training has issued circulars and decrees on the implementation of life skills education in pre-schools, general and regular education. The Dispatch No. 4026/BGDĐT-GDCTHSSV dated on September 1, 2017, issued by the Ministry of Education and Training, on the enhancement of life skills education in schools has highlighted the need for an appropriate and synchronized life skills education program in Vietnam. This paper introduces several of this program in Asia, Europe and America and includes their goals, content and format; then proposed some suggestions for developing and completing life skills education program in Vietnam.

Key words: skills; life skills; life skills education; pupils; children.

* Học viện Phụ nữ Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Kỹ năng sống là thuật ngữ bắt đầu xuất hiện trong các nhà trường Việt Nam từ những năm 1995 – 1996 thông qua dự án “Giáo dục kỹ năng sống để bảo vệ sức khỏe và phòng chống HIV/AIDS cho thanh thiếu niên trong và ngoài nhà trường” do UNICEF Việt Nam phối hợp với Bộ giáo dục và đào tạo, Hội chữ thập đỏ Việt Nam thực hiện. Trải qua một quá trình phát triển ở Việt Nam, chương trình giáo dục KNS đã được biết đến dưới nhiều hình thức giáo dục bao gồm cả các hoạt động do cá nhân và tập thể tổ chức, các tổ chức phi chính phủ tham gia; đối tượng người học là từ lứa tuổi mẫu giáo cho đến sinh viên đại học và thậm chí có cả những đối tượng đặc biệt như công nhân, học sinh trong các trường giáo dưỡng, trẻ em trong làng trẻ mồ côi, người khuyết tật ... Năm 2015 – 2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra các thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng đã đặt ra một vấn đề là Việt Nam cần xây dựng và phát triển chương trình giáo dục KNS sao cho phù hợp, đồng bộ để đưa vào thực tiễn. Tuy nhiên Việt Nam chưa có một bộ tài liệu được quy định dùng chung cho một khối hoặc cấp học nào đó, chưa có những tiêu chuẩn nhất định để đánh giá kết quả học tập của học sinh và cũng chưa có hệ thống kiểm tra đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy KNS. Để góp phần phát triển và hoàn thiện chương trình giáo dục KNS, bài viết này giới thiệu về chương trình giáo dục KNS của một số nước trên thế giới bao gồm cả các nước thuộc châu Á, châu Âu và Mỹ.

2. Chương trình giáo dục kỹ năng sống dành cho trẻ em độ tuổi từ 12 -18 ở một số nước trên thế giới

2.1. Chương trình giáo dục kỹ năng sống ở Ấn Độ

Giáo dục KNS được coi là một phần của chương trình tổng thể về trao quyền và thực hiện quyền trẻ em tại Ấn Độ. Mục tiêu của chương trình: Chương trình KNS của Ấn Độ hướng tới đó là học sinh phải có được nhận thức và kỹ năng. Hai yếu tố này luôn phụ thuộc với nhau và để có được cả hai yếu tố này thì chương trình giáo dục của Ấn Độ rất chú trọng đến tính cam kết và việc thúc đẩy động cơ của người học.

Nội dung của chương trình: Các giá trị sống và kỹ năng được tập trung vào dạy cho trẻ bao gồm: Lòng tự trọng và ý thức tổ chức (Krishnan & cộng sự, 2009), tự kiểm soát và chăm chỉ (Duckworth & Seligman, 2005), hoàn tất chương trình học (Dweck, 2012). Với những học sinh từ khoảng 12 tuổi đến 15 tuổi chương trình sẽ tập trung trang bị một số kỹ năng như ngăn ngừa các tội ác/ các hành vi phạm tội; phòng ngừa hút thuốc lá, mang thai ở vị thành niên, khả năng cá nhân, trách nhiệm với nhóm, thực hiện những việc có ích cho xã hội. Với những học sinh từ trên 18 tuổi, Ấn Độ sẽ tập trung trang bị các kỹ năng liên quan đến việc làm như: Tâm thế sẵn sàng đi làm, tìm kiếm việc làm, lên kế hoạch và sắp xếp công việc, kỹ năng

tương tác liên cá nhân, khả năng xã hội, các kỹ năng liên quan đến tin học, sử dụng các dịch vụ xã hội, kỹ năng hợp tác và sáng tạo.

Hình thức đào tạo chủ yếu là đào tạo dựa trên trường học kết hợp với các chiến lược văn hóa được tổ chức ở vùng miền, địa phương. Những điều kiện để thực hiện tốt và phát triển chương trình giáo dục KNS của Ấn Độ bao gồm: Tập huấn nâng cao năng lực liên tục cho giáo viên, có đội ngũ hỗ trợ cho giáo viên; có hệ thống giám sát chương trình; công cụ và chuyên viên thực hiện đánh giá hiệu quả chất lượng học tập của học sinh và chất lượng đào tạo trên giáo viên (Singh & Menon, 2015).

2.2. Chương trình giáo dục kỹ năng sống ở Nhật Bản

Chương trình giáo dục KNS được biết đến ở Nhật Bản từ những năm 1998 khi Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản thực hiện chương trình tăng cường Niềm vui sống ở trẻ em. Đến tháng 3/2008 chương trình này đã được đưa vào các trường tiểu học và trung học cơ sở của Nhật.

Nội dung của chương trình: Học sinh được học trong chương trình bao gồm: “Khả năng học hỏi, suy nghĩ và phán đoán hành động khi giải quyết vấn đề”, “làm giàu nhân loại với tính kỷ luật và sự tự giác” các tính cách hợp tác và lòng tốt, sự quan tâm tới người khác” và “sức mạnh của trái tim và thể chất để có cuộc sống tốt đẹp hơn”. Những nội dung này được coi như triết lý cốt lõi trong hệ thống giáo dục Nhật Bản. Những nội dung này tương tự như các khái niệm KNS mà WHO đã đưa ra, nhưng thuật ngữ “Niềm vui sống” được sử dụng phổ biến hơn là KNS.

Hạn chế của chương trình “Niềm vui sống” của Nhật Bản là chưa đề ra được các yếu tố chính xác và cụ thể liên quan đến “Niềm vui sống” ở trẻ có độ tuổi khác nhau và có những nghiên cứu đề xuất cần phải xây dựng một thang đo đa chiều KNS (Kobayashi & cộng sự, 2013).

2.3. Chương trình giáo dục kỹ năng sống ở Mỹ

Mục tiêu của chương trình: Chương trình giáo dục KNS cho học sinh của Mỹ khá đa dạng, tuy nhiên tập trung chủ yếu vào mục đích bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần. Chương trình này dành cho học sinh cấp 2, có tên gọi là “Kỹ năng sống và những lựa chọn lành mạnh”.

Nội dung của chương trình: Học sinh sẽ được học các nội dung gồm: Phòng ngừa mang thai vị thành niên, kiến thức về tình dục và hện hò; kỹ năng ra quyết định lành mạnh, ra quyết định liên quan đến tình dục, thế nào là mối quan hệ lành mạnh, làm sao để duy trì mối quan hệ, luật và sức khỏe tình dục, bạo lực tình dục, phòng ngừa AIDS, phòng ngừa các bệnh lây truyền qua đường tình dục, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng ngừa stress, kỹ năng nói lời từ chối.

Trong chương trình giáo dục KNS của bang Texas, khối học sinh cấp hai được học về chức năng của giao tiếp và tầm quan trọng của các kỹ năng giao tiếp. Tiếp đó, học sinh được học những kỹ năng đơn giản nhất như: Ngồi vào bàn sao cho thoải mái nhất, kỹ năng ăn, các kỹ năng liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm, giao tiếp mắt, ranh giới của sự đụng chạm, tự trợ giúp, các kỹ năng học tập. Học sinh được học môn Giáo dục sức khỏe với mục đích là trở thành người trưởng thành khỏe mạnh. Các em học để biết được những hành vi nào nên và không nên để bảo vệ sức khỏe, đặc biệt là tiếp cận các thông tin liên quan đến tuổi dậy thì và sức khỏe sinh sản, các yếu tố từ môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe. Môn học này còn nói đến sự khỏe mạnh trong các mối quan hệ, sức khỏe thể chất và sức khỏe tâm thần.

Ngoài các nội dung trên thì trong chương trình giáo dục KNS của Mỹ dành cho nhóm học sinh/ đối tượng từ 18 tuổi trở lên còn có chương trình giáo dục KNS chuyên sâu về lĩnh vực nghề nghiệp, ví dụ Chương trình nhóm hỗ trợ KNS. Chương trình này bao gồm các nội dung giáo dục cho người học về thái độ, động cơ, sự trách nhiệm, giải quyết xung đột, giải quyết tức giận, giảm stress, kỹ năng giao tiếp, quản lý tiền bạc, quản lý thời gian và kỹ năng ra quyết định. Bên cạnh đó là kết nối giữa 3 nơi là Nhà - Trường - Nơi làm việc; Gia đình - bạn bè - bản thân; kế hoạch của bản thân, kỹ năng thuyết trình (CalWorks Program Administration, 2008)

2. 4. Chương trình giáo dục kỹ năng sống của Canada

Mục tiêu của chương trình: Chương trình giáo dục KNS của Canada thực hiện dựa trên trường học do tổ chức Ben Calf Robe - một tổ chức cộng đồng ở Edmonton, Alberta thực hiện chương trình này từ năm 2010 với mục tiêu hướng đến ngăn ngừa và can thiệp các vấn đề ở thanh thiếu niên gồm nghiện rượu và nghiện ma túy, thúc đẩy sự khỏe mạnh và đẩy lùi các hành vi nguy cơ như uống rượu, hút thuốc lá, sử dụng ma túy.

Nội dung của chương trình: Chương trình này dành cho học sinh cấp 2 và cấp 3, bao gồm 15 buổi (10 buổi cho học sinh cấp 2 và 5 buổi cho học sinh cấp 3). Mỗi buổi học diễn ra trong 45 phút. Tất cả các bài học này học sinh đều được học kỹ năng ra quyết định để có thể ứng phó lại với sức ép từ người khác khi bị lôi kéo từ đó phòng ngừa các hành vi nguy cơ. Như vậy học sinh sẽ được học kỹ năng tự quản lý bản thân, các kỹ năng xã hội và cuối cùng là học những nội dung cụ thể liên quan tới từng vấn đề nêu trên. Ở bậc cao hơn, học sinh sẽ thực hành các kỹ năng của chương trình đã được học từ trước đó.

Học sinh hai khối học này được trải qua tổng cộng 4 kỳ học theo mức độ từ dễ đến khó, từ thực hành ít đến nhiều và có sự giám sát, đánh giá của mỗi kỳ (chủ yếu tập trung vào hai kỳ sau).

3. Một số gợi ý đề xuất phát triển chương trình giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam

Qua tìm hiểu chương trình giáo dục KNS ở một số nước cho thấy những đặc trưng về nội dung, hình thức đào tạo, và các điều kiện để có được chương trình tốt. Từ kết quả rà soát tài liệu, chúng tôi đưa ra đề xuất để phát triển chương trình giáo dục KNS cho lứa tuổi 12 -18 ở Việt Nam như sau:

(1). Đề xuất nội dung đào tạo

Nội dung của chương trình mà các nước đang hướng tới đó là các kỹ năng có thể giải quyết vấn đề cụ thể của học sinh như phòng tránh bạo lực, tránh có thai sớm, tránh HIV/AIDS, tránh bị các vấn đề về sức khỏe tâm thần. Các kỹ năng này đồng thời cũng cho thấy có tác động tới sự thay đổi của xã hội. Khi đưa các kỹ năng này vào chương trình giảng dạy, các trường đã xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá tác động của chương trình tới sự thay đổi xã hội thông qua việc xác định tỷ lệ tăng hoặc giảm các vấn đề nêu trên.

Phân chia nội dung các kỹ năng theo độ tuổi: Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết ở các nước đều phân chia nội dung rất cụ thể cho mỗi độ tuổi học sinh THCS hoặc THPT. Đối với học sinh THCS thì nội dung sẽ tập trung vào nâng cao các nhóm kỹ năng sau: (1) Phòng ngừa các hành vi nguy cơ như bạo lực, bắt nạt, có thai vị thành niên, hành vi vi phạm pháp luật, tự tử; (2). Xây dựng các kỹ năng an toàn: Thiết lập mối quan hệ; chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc sức khỏe thể chất, dinh dưỡng; kỹ năng từ chối; kỹ năng ngồi vào bàn ăn và (3) Kỹ năng phát triển bản thân: Kỹ năng xây dựng sự tự tin, kỹ năng học tập tốt. Đối với học sinh THPT thì các kỹ năng chủ đạo sẽ tập trung vào định hướng việc làm, hướng nghiệp, các kỹ năng để tìm kiếm việc làm và làm việc một cách hiệu quả. Sự phân chia này dựa trên chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, dựa trên đặc điểm tâm lý lứa tuổi và hoạt động chủ đạo của học sinh.

Xây dựng bài giảng có chủ đề giống nhau theo cấp độ khác nhau: Học sinh cấp 2 và cấp 3 đều có thể học chung một kỹ năng nhưng kỹ năng này đã được phân cấp thành các độ chuyên sâu khác nhau, mức độ thực hành khác nhau và mục tiêu giáo dục khác nhau.

(2) Đề xuất về hình thức đào tạo: Chương trình đào tạo dựa vào trường học cho thấy được hiệu quả bởi những lợi thế mà trường học mang lại, đó là sự cam kết của học sinh, của giáo viên, của phụ huynh và đặc biệt là quan điểm tích hợp trong chương trình giáo dục cho học sinh. Các chương trình đã thể hiện sự lồng ghép, tích hợp giữa các nội dung thực hiện trong môi trường trường học với các nội dung bên ngoài trường học. Chính từ thực trạng trên thế giới cho thấy các nước đang đào tạo KNS dựa vào trường học, do vậy Việt Nam cũng nên đưa chương trình giáo dục KNS

và các chương trình đào tạo các bậc học theo hình thức bắt buộc. Tuy nhiên xây dựng chương trình giáo dục KNS cần phải có xem xét đến chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (môn giáo dục trải nghiệm sáng tạo trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể mới, hướng nghiệp) và môn Giáo dục công dân để tránh trùng lặp và chồng chéo về nội dung.

Việc đánh giá hiệu quả giáo dục KNS được thực hiện theo quy trình và theo giai đoạn thông qua các công cụ đo và tổ chức đánh giá độc lập. Các thông số của thang đánh giá dựa trên mục tiêu mà mỗi chương trình đã phân cấp theo đối tượng người học. Một trong những điều kiện quan trọng mà các nước đều nhấn mạnh đó là chất lượng của đội ngũ giáo viên và giải pháp đưa ra là giáo viên phải được đào tạo bài bản để có kiến thức nền, phải được tập huấn bồi dưỡng tối thiểu là một lần mỗi năm. Ngoài ra, cần có tổ chức đánh giá độc lập để đánh giá sự thay đổi của giáo viên sau khi trải qua khóa bồi dưỡng, tập huấn.

Tài liệu tham khảo

1. CalWorks Program Administration (2008) County of Los Angeles Department of Mental Health *Life skills support group curriculum*.
2. Duckworth, A.L., & Seligman, M. E. P.(2005)*Self-discipline outdoes IQ in predicting academic performance of adolescents. Psychological Science, 16, 939-994, doi:10.1111/j.1467-9280.2005.01641.*
3. Dweck, C.S (2012) *Mindset: How You Can Fulfill Your Potential. Constable & Robinson, London.*
4. Government of Canada, Lifeskills Training Program (2018). *LST Crime prevention in Action*
5. Kobayashi & cộng sự (2013). *Reliability and Validity of the Multidimensional Scale of Life skills in late Childhood.* Education sciences, ISSN 2227 – 7102.
6. Singh & Menon (2015). *Life skills in India: An Overview of Evidence and Current Practices in our Education System.* Central Square Foundation.
7. Texas Essential Knowledge and skills for health Education subchapter B. Middle School (2015). Lấy từ: <http://ritter.tea.state.tx.us/rules/tac/chapter115/ch115b.html>